

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2021/DS-ST
Ngày 15/12/2021
V/v: T/c “Hợp đồng dịch vụ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Phước Lộc
2. Ông Trần Văn Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Cẩm Duyên, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc tham gia phiên tòa:
Bà Đặng Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2019/TLST- DS ngày 09 tháng 7 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2021/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 87/2021 ngày 25/11/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty luật TNHH Một thành viên A D; Trụ sở: Số 124C đường 2/9 Quốc lộ 51B, phường A, thành phố V T, tỉnh B RV. Do ông Trần A D – Chức vụ: Giám đốc làm đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Kiều M, sinh năm 1994; địa chỉ: Tổ 1, ấp S Đ, xã DT, thành phố PQ, tỉnh KG. Theo giấy ủy quyền số: 02/2021/UQ-GĐ ngày 5/10/2021, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 25/11/2021.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn H, 1969; địa chỉ: khu phố 3, phường AT, thành phố PQ, tỉnh KG và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972 (vợ ông H cùng địa chỉ), vắng mặt không lý do.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1980; địa chỉ: Ấp A, xã HH, huyện X M, tỉnh BR; địa chỉ liên lạc: Tổ 1, ấp S Đ, xã DT, thành phố PQ, tỉnh KG, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 19/11/2021.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Công ty luật TNHH Một thành viên A D do ông Trần A D đại diện theo pháp luật trình bày: Năm 2016, Ủy ban nhân dân huyện Phú Quốc (nay thành phố Phú Quốc) tỉnh Kiên Giang, (viết tắt là UBND thành phố Phú Quốc) ban hành Quyết định về việc thu hồi diện tích đất 5.784,5m² đối với ông Trần Văn H để thực hiện dự án Cấp treo và quần thể vui chơi giải trí biển Hòn Thơm, Phú Quốc. Ngày 28/12/2016, UBND thành phố Phú Quốc ban hành Quyết định số 7999/QĐ-UBND và Quyết định số: 8001/QĐ/UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông H số tiền 7.794.041.460 đồng. Ông H không đồng ý với việc bồi thường trên. Ngày 06/02/2017, ông H ký hợp đồng dịch vụ pháp lý số 66/2017/HĐ-ADL với Công ty luật TNHH Một thành viên A D (Viết tắt là Công ty AD) để khiếu nại yêu cầu UBND thành phố Phú Quốc bồi thường, hỗ trợ tái định cư bổ sung cho ông H đúng theo quy định của pháp luật.

Sau khi ký hợp đồng dịch vụ pháp lý Công ty A D đã tư vấn cụ thể, chi tiết cho ông H theo quy định của pháp luật về việc bồi thường của Nhà nước khi thu hồi đất cụ thể là chuẩn bị hồ sơ, hoàn thiện đơn, hồ sơ khiếu nại để nộp cho các cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định của luật. Ngày 09/3/2017, Công ty A D đã nộp đơn khiếu nại cho ông H. Ngày 20/7/2017, ông H lập giấy ủy quyền cho ông Nguyễn Thanh H (là nhân viên tại công ty A D) để tham gia toàn bộ quá trình giải quyết khiếu nại tại các cơ quan có thẩm quyền.

Ngày 31/8/2017, ông H đại diện cho ông H làm việc với đoàn xác minh của UBND thành phố Phú Quốc. Ngày 29/5/2018, Văn phòng Hội đồng nhân dân và UBND thành phố Phú Quốc ra thông báo số 65/TB-VP về việc thông báo kết quả của chủ tịch UBND thành phố Phú Quốc với nội dung giao Ban bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chủ trì phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan rà soát tính lại giá hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm có nhân hệ số điều chỉnh.

Ngày 14/01/2019, Thanh tra thành phố Phú Quốc ban hành tờ trình số 01/TTr-TTr về việc xin chủ trương áp giá hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

Ngày 16/01/2019 Văn phòng Hội đồng nhân dân và UBND thành phố Phú Quốc ra công văn số 168/VP-NCPC thống nhất đề xuất của Thanh tra. Giao ban bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện xong trước tết Nguyên Đán.

Ngày 24/01/2019 UBND thành phố Phú Quốc ban hành số Quyết định số 362/QĐ-UBND về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các hộ dân. Ngày 01/02/2019, UBND thành phố Phú Quốc đã phối hợp với các cơ quan tiến hành chi trả tiền bồi thường bổ sung cho các hộ dân, trong đó ông H đã nhận số tiền là 1.263.096.200 đồng. Theo Điều 3 của hợp đồng dịch vụ thì ông H phải thanh toán cho Công ty A D số tiền 1.263.096.200 đồng x 50% bằng 631.548.100 đồng. Tuy nhiên, khi ông H nhận được tiền cho đến nay Công ty A D đã nhiều lần đề nghị ông thanh toán tiền dịch vụ pháp lý nhưng ông H không thực hiện.

Công ty A D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông H, bà H phải thanh toán cho Công ty A D tiền dịch vụ pháp lý là 631.548.100 đồng. Công ty A D xin rút yêu cầu số tiền lãi theo hợp đồng là 284.196.645 đồng và tiền phạt vi phạm hợp đồng là 631.548.100 đồng.

- Bị đơn ông Trần Văn H tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải trình bày: Năm 2017, gia đình ông có đất thuộc diện bồi thường giải tỏa để làm dự án cáp theo Hòn Thơm – An Thới, ông có gặp ông T và ông H để làm giấy tờ đi khiếu nại việc bồi thường chưa thỏa đáng. Sau khi gặp ông H để trao đổi và giao cho ông nhiều giấy tờ, trong đó có ký hợp đồng dịch vụ pháp lý, giấy ủy quyền và các đơn khiếu nại khi ký ông không đọc nội dung nên không biết trong hợp đồng dịch vụ pháp lý ghi phần chia tỷ lệ 50/50 đối với phần bồi thường nên ông không đồng ý. Nay ông đồng ý giao cho ông H 20% trên số tiền bồi thường bổ sung.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị H (vợ ông Trần Văn H) được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về việc kiểm tra, giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai bà Th vẫn không có mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện nên không có lời khai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Thanh H trình bày: Ông là nhân viên của Công ty A D cử đến Phú Quốc tham khảo một số hồ sơ liên quan đến việc bồi thường, Công ty phân công ông Đại diện cho ông H làm việc với đoàn xác minh. Khi có kết quả giải quyết khiếu nại ông H đã nhận được tiền bồi thường nhưng không thanh toán tiền dịch pháp lý cho công ty A D. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Quan điểm giải quyết của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, thẩm phán vẫn còn thiếu sót, vi phạm về thời hạn thụ lý và thời hạn chuẩn bị xét xử không ảnh hưởng đến nội dung vụ án nhưng đã kéo dài thời gian giải quyết, đề nghị rút kinh nghiệm chung.

Hướng giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 117, Điều 213 Điều 513, khoản 2 Điều 515 BLDS năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 244 BLTTDS năm 2015.

Chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV A D.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV A D về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn H thanh toán theo hợp đồng dịch vụ pháp lý.

Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn H phải có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH MTV A D số tiền 631.548.100 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi công bố tóm tắt nội dung vụ án, các tài liệu và nội dung chứng cứ có trong hồ sơ vụ án tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Công ty luật TNHH Một thành viên A D khởi kiện ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị H có nơi cư trú tại khu phố 3, phường An Thới, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ theo khoản 1 Điều 227 BLTTDS. Tại phiên tòa bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không có yêu cầu phản tố và cũng không có người đại diện tham gia phiên tòa, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ theo điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty A D:

Hội đồng xét xử thấy rằng, nguyên đơn Công ty A D khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả cho Công ty A D tiền dịch vụ pháp lý 631.548.100 đồng. Việc bị đơn ký hợp đồng dịch vụ pháp lý với nguyên đơn

và bị đơn ký ủy quyền cho ông H đại diện thực hiện khiếu nại cho bị đơn là hoàn toàn tự nguyện. Qua điều tra, xác minh, thu thập chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng hợp đồng dịch vụ pháp lý số 66/2017/HĐ-ADL ngày 06/02/2017, giữa nguyên đơn với bị đơn là đảm bảo các Điều kiện có hiệu lực. Theo Điều 513 Bộ luật dân sự quy định: *“Hợp đồng dịch vụ là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cung ứng dịch vụ thực hiện công việc cho bên sử dụng dịch vụ, bên sử dụng dịch vụ phải trả tiền dịch vụ cho bên cung ứng dịch vụ”*. Do đó, các bên tham gia ký kết hợp đồng có nghĩa vụ thực hiện các thỏa thuận đã ghi trong hợp đồng.

Tại Điều 1 của hợp đồng bị đơn nhận thấy Quyết định số: 8001/QĐ-UBND của UBND thành phố Phú Quốc, về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông chưa đúng quy định của pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn nên bị đơn yêu cầu nguyên đơn tư vấn pháp luật, hoàn thiện hồ sơ khiếu nại để yêu cầu UBND thành phố Phú Quốc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư bổ sung cho bị đơn đúng theo quy định của pháp luật.

Tại Điều 2 của hợp đồng bị đơn cam kết thanh toán cho nguyên đơn tiền dịch vụ là 50% trên tổng số tiền mà bị đơn đã được nhận bồi thường bổ sung. Phương thức thanh toán khi bị đơn nhận được tiền bồi thường bổ sung sẽ thanh toán cho nguyên đơn một lần. Nếu không thực hiện việc thanh toán thì bị đơn chịu phạt chậm trả 0,5% /ngày tính từ ngày bị đơn nhận tiền.

Trong quá trình nguyên đơn thực hiện hợp đồng đã hoàn thành, bị đơn đã nhận tiền bổ sung là 1.263.096.200 đồng. Như vậy, hợp đồng giữa nguyên đơn và bị đơn trên thực tế đã chấm dứt mà bị đơn không thực hiện theo hợp đồng đã thỏa thuận cho nên có cơ sở xác định bị đơn vi phạm thời hạn thực hiện hợp đồng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ trả tiền dịch vụ pháp lý theo hợp đồng là 631.548.100 đồng là có căn cứ. Nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện số tiền phạt vi phạm 631.548.100 đồng và tiền lãi chậm trả theo hợp đồng là 284.196.645 đồng đối với ông Hg và bà H là tự nguyện nên được chấp nhận.

[3] Xét ý kiến trình bày của bị đơn ông Trần Văn H cho rằng việc bị đơn ký hợp đồng với ông H là do bị đơn không xem xét kỹ hợp đồng nên bị đơn không thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ để xem xét. Khi ký hợp đồng dịch vụ pháp lý chỉ có một mình ông H ký, việc này bà H biết nhưng không phản đối. Tuy nhiên, ông H ký hợp đồng dịch vụ pháp lý với Công ty A D để Công ty A D tư vấn pháp lý và hỗ trợ khiếu nại nhằm mục đích để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cả vợ chồng ông H và bà H để được bồi thường bổ sung nên căn cứ Điều 27, 30 và 37 Luật hôn nhân và

gia đình năm 2014 thì bà H phải chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận Hội đồng xét xử: Đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn; Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; Buộc bị đơn phải trả tiền dịch vụ pháp lý cho nguyên đơn;

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch trên số tiền phải trả là 631.548.100 đồng là 20.000.000 đồng + (231.548.100 đồng x 4%) = 29.261.924 đồng. Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên hoàn trả tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 144, 147 và 238, 244 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 513, 514, 515, 518 và 519, Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 27, 30 và 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn Công ty luật TNHH Một thành viên A D đối với bị đơn ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị H về việc xin rút yêu cầu tiền phạt vi phạm hợp đồng là 631.548.100 đồng (Sáu trăm ba mươi một triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn một trăm đồng) và tiền lãi chậm trả theo hợp đồng là 284.196.645 đồng (Hai trăm tám mươi bốn triệu một trăm chín mươi sáu nghìn sáu trăm bốn mươi lăm đồng) Tổng cộng là 915.744.745 đồng (Chín trăm mười lăm triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn bảy trăm bốn mươi lăm đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty luật TNHH Một thành viên A D đối với bị đơn ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị H về tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

3. Buộc bị đơn ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị H phải thực hiện nghĩa vụ liên đới thanh toán thù lao dịch vụ cho Công ty luật TNHH Một thành viên A D do ông Trần A D đại diện theo pháp luật số tiền là 631.548.100 đồng (Sáu trăm ba mươi một triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn một trăm đồng)

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên, thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật thì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 10/2019 /QĐ-BPKCTT ngày 15/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc trong quá trình giải quyết vụ án bị hủy bỏ.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí giá ngạch số tiền 29.261.924 đồng (Hai mươi chín triệu hai trăm sáu mươi một nghìn chín trăm hai mươi bốn đồng).

Trả lại cho Công ty luật TNHH Một thành viên A D do ông Trần A D đại diện số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 29.209.392 đồng (Hai mươi chín triệu hai trăm lẻ chín nghìn ba trăm chín mươi hai đồng) theo biên lai thu số: 0002744 ngày 19/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bên đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSNDTP Phú Quốc;
- CC.THADSTP Phú Quốc;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

HỒ VĂN BÌNH